

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: TIN HỌC LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng thấp		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian	
			Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	TN	TL		
1	CSDL quan hệ	\$10. CSDL quan hệ	5	5	2	2	1	1.5	-	-	8	0	8.5	20
		\$11. Các thao tác với CSDL quan hệ	7	7	5	6	4	6	-	-	16	0	19	40
		\$13. Bảo mật thông tin trong các hệ CSDL	8	8	5	5	3	4.5	-	-	16	0	17.5	40
Tổng			20	20	12	13	8	12	-	-	40	0	45	100
Tỉ lệ %			50		30		20				100			
Tỉ lệ chung			80				20				100			

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: TIN HỌC LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
41	IV. CSDL quan hệ	\$10. CSDL quan hệ	Nhận biết: - Nêu được khái niệm thuật ngữ dùng trong hệ CSDL quan hệ: quan hệ, bộ, thuộc tính, miền. Câu 4 - Nêu được khái niệm mô hình dữ liệu Câu 2 - Nêu được khái niệm CSDL quan hệ Câu 5 - Nêu được khái niệm về hệ QTCSDL Câu 28, Câu 29 - Biết điều kiện liên kết giữa hai bảng - Biết khái niệm về khóa chính Câu 30 - Biết các đặc trưng chính trong một quan hệ của hệ QTCSDL quan hệ Thông hiểu: - Xác định được các tính chất thường dùng của trường: định dạng kiểu dữ liệu ngày sinh... Câu 1, Câu 3 - Xác định được kiểu dữ liệu: số, văn bản, ngày sinh - Biết được phần mở rộng của Access 2010. Vận dụng: - Xác định được các phần mềm trong hệ QTCSDL - Xác định được trường làm khóa chính trong bảng. Câu 31	5	2	1	0
		\$11. Các thao tác với CSDL quan hệ	Nhận biết: - Biết được thao tác cập nhật dữ liệu Câu 32, Câu 36 - Biết được tạo lập CSDL Câu 6, Câu 28, Câu 34 - Biết được chỉnh sửa dữ liệu Câu 7, Câu 8 - Biết được truy vấn cơ sở dữ liệu	7	5	4	0

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Thông hiểu: - Hiểu được việc truy vấn dữ liệu Câu 9, Câu 10, Câu 27, Câu 37, Câu 38 Vận dụng: - Xác định được các bước tạo lập CSDL quan hệ Câu 33, Câu 35, Câu 25, Câu 26,				
		\$13. Bảo mật thông tin trong các hệ CSDL	Nhận biết: - Nêu được các chính sách, điều luật, ý thức bảo vệ thông tin (luật an ninh mạng và an toàn thông tin). Câu 11, Câu 12, Câu 13, Câu 17, Câu 39 - Nêu được một số cách thông dụng bảo mật CSDL. Câu 14, Câu 40 - Trình bày được khái niệm và tầm quan trọng của bảo mật CSDL. Câu 22 Thông hiểu: - Hiểu được nội dung của các cách bảo mật CSDL đã biết. Câu 23, Câu 24 - Giải thích được khái niệm và tầm quan trọng của bảo mật CSDL. Câu 15, Câu 18, Câu 21 Vận dụng (Lí thuyết): Thực hiện những cách thông dụng để bảo mật CSDL trong tình huống cụ thể Câu 16, Câu 19, Câu 20	8	5	3	0

Họ, tên học sinh: **Lớp :**

Câu 1: Danh sách phòng thi gồm có các trường: Họ tên, Số báo danh, Giới tính, phòng thi. Ta chọn trường nào làm khoá chính?

- A. Giới tính
- B. Số báo danh
- C. Phòng thi
- D. Họ tên

Câu 2: Trong mô hình quan hệ, về mặt cấu trúc thì dữ liệu được thể hiện trong các:

- A. Cột (Field)
- B. Hàng (Record)
- C. Bảng (Table)
- D. Báo cáo (Report)

Câu 3: Cho các bảng sau:

- DanhMucSach(MaSach, TenSach, MaLoai)
- LoaiSach(MaLoai, LoaiSach)
- HoaDon(MaSach, SoLuong, DonGia)

Để biết *giá của một quyển sách* thì cần những bảng nào ?

- A. HoaDon
- B. DanhMucSach, HoaDon
- C. DanhMucSach, LoaiSach
- D. HoaDon, LoaiSach

Câu 4: Trong hệ CSDL quan hệ, miền là:

- A. Tập các kiểu dữ liệu trong Access
- B. Kiểu dữ liệu của một bảng
- C. Tập các thuộc tính trong một bảng
- D. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

Câu 5: Thao tác nào sau đây *không* thuộc loại tạo lập CSDL quan hệ?

- A. Tạo cấu trúc bảng
- B. Chọn khoá chính
- C. Đặt tên bảng và lưu cấu trúc bảng
- D. Nhập dữ liệu ban đầu

Câu 6: Trong quá trình tạo cấu trúc của một bảng, khi tạo một trường, việc nào sau đây *không* nhất thiết phải thực hiện?

- A. Đặt tên, các tên của các trường cần phân biệt
- B. Chọn kiểu dữ liệu
- C. Đặt kích thước
- D. Mô tả nội dung

Câu 7: Thao tác nào sau đây *không* là khai thác CSDL quan hệ?

- A. Sắp xếp các bản ghi
- B. Thêm bản ghi mới
- C. Kết xuất báo cáo
- D. Xem dữ liệu

Câu 8: Khai thác CSDL quan hệ có thể là:

- A. Tạo bảng, chỉ định khóa chính, tạo liên kết
- B. Đặt tên trường, chọn kiểu dữ liệu, định tính chất trường

C. Thêm, sửa, xóa bản ghi

D. Sắp xếp, truy vấn, xem dữ liệu, kết xuất báo cáo

Câu 9: Tìm phương án *sai*. Thao tác sắp xếp bản ghi:

A. Chỉ thực hiện sắp xếp trên một trường

B. Có thể thực hiện sắp xếp trên một vài trường với mức ưu tiên khác nhau

C. Không làm thay đổi vị trí lưu các bản ghi trên đĩa

D. Để tổ chức lưu trữ dữ liệu hợp lý hơn

Câu 10: Khi xác nhận các tiêu chí truy vấn thì hệ QTCSDL sẽ *không* thực hiện công việc:

A. Xoá vĩnh viễn một số bản ghi không thoả mãn điều kiện trong CSDL

B. Thiết lập mối quan hệ giữa các bảng để kết xuất dữ liệu.

C. Liệt kê tập con các bản ghi thoả mãn điều kiện

D. Định vị các bản ghi thoả mãn điều kiện

Câu 11: Bảo mật CSDL:

A. Chỉ quan tâm bảo mật dữ liệu

B. Chỉ quan tâm bảo mật chương trình xử lý dữ liệu

C. Quan tâm bảo mật cả dữ liệu và chương

Câu 12: Chọn các phát biểu *sai* trong các phát biểu dưới đây?

A. Bảo mật hạn chế được thông tin không bị mất hoặc bị thay đổi ngoài ý muốn

B. Có thể thực hiện bảo mật bằng giải pháp phần cứng

C. Hiệu quả của bảo mật chỉ phụ thuộc vào hệ QTCSDL và chương trình ứng dụng

D. Hiệu quả bảo mật phụ thuộc rất nhiều vào các chủ trương, chính sách của chủ sở hữu thông tin và ý thức của người dùng.

Câu 13: Bảng phân quyền cho phép:

A. Phân các quyền truy cập đối với người dùng

B. Giúp người dùng xem được thông tin CSDL.

C. Giúp người quản lý xem được các đối tượng truy cập hệ thống.

D. Đếm được số lượng người truy cập hệ thống.

Câu 14: Người có chức năng phân quyền truy cập là:

A. Người dùng

B. Người viết chương trình ứng dụng.

C. Người quản trị CSDL.

D. Lãnh đạo cơ quan.

Câu 15: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào *sai* ?

A. Bảng phân quyền truy cập cũng là dữ liệu của CSDL

B. Dựa trên bảng phân quyền để trao quyền truy cập khác nhau để khai thác dữ liệu cho các đối tượng người dùng khác nhau

C. Mọi người đều có thể truy cập, bổ sung và thay đổi bảng phân quyền

D. Bảng phân quyền không giới thiệu công khai cho mọi người biết

Câu 16: Nhận dạng người dùng là chức năng của:

A. Người quản trị.

B. CSDL

C. Hệ quản trị CSDL

D. Người đứng đầu tổ chức.

Câu 17: Trong bảng phân quyền, các quyền truy cập dữ liệu, gồm có:

A. Đọc dữ liệu.

B. Xem, bổ sung, sửa, xóa và không truy cập dữ liệu

C. Thêm dữ liệu

D. Xem, sửa, bổ sung và xóa dữ liệu.

Câu 18: Trong một trường THPT có xây dựng một CSDL quản lý điểm Học Sinh. Người Quản trị CSDL có phân quyền truy cập cho các đối tượng truy cập vào CSDL. Theo em cách phân quyền nào dưới đây

hợp lý:

A. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung; BGH: Xem, sửa, xoá.

B. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xoá; BGH: Xem, Bổ sung.

C. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xoá; BGH: Xem.

D. HS: Xem, Xoá; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xoá; BGH: Xem, Bổ sung, sửa, xoá.

Câu 19: Để nhận dạng người dùng khi đăng nhập vào CSDL, ngoài mật khẩu người ta còn dùng các cách nhận dạng nào sau đây:

A. Hình ảnh

B. Âm thanh

C. Chứng minh nhân dân.

D. Giọng nói, dấu vân tay, võng mạc, chữ ký điện tử.

Câu 20: Thông thường, người dùng muốn truy cập vào hệ CSDL cần cung cấp:

A. Hình ảnh.

B. Chữ ký.

C. Họ tên người dùng.

D. Tên tài khoản và mật khẩu.

Câu 21: Phát biểu nào dưới đây *sai* khi nói về mã hoá thông tin?

A. Các thông tin quan trọng và nhạy cảm nên lưu trữ dưới dạng mã hoá.

B. Mã hoá thông tin để giảm khả năng rò rỉ thông tin.

C. Nén dữ liệu cũng góp phần tăng cường tính bảo mật của dữ liệu.

D. Các thông tin sẽ được an toàn tuyệt đối sau khi đã được mã hoá.

Câu 22: Chọn phát biểu *sai*.

A. Hệ quản trị CSDL không cung cấp cho người dùng cách thay đổi mật khẩu

B. Nên định kì thay đổi mật khẩu

C. Thay đổi mật khẩu để tăng cường khả năng bảo vệ mật khẩu

D. Hệ quản trị CSDL cung cấp cho người dùng cách thay đổi mật khẩu

Câu 23: Để nâng cao hiệu quả của việc bảo mật, ta cần phải:

A. Thường xuyên sao chép dữ liệu

B. Thường xuyên thay đổi các tham số của hệ thống bảo vệ

C. Thường xuyên nâng cấp phần cứng, phần mềm

D. Nhận dạng người dùng bằng mã hoá

Câu 24: Chọn phát biểu *sai* khi nói về chức năng lưu biên bản hệ thống?

A. Cho biết số lần truy cập vào hệ thống, vào từng thành phần của hệ thống, vào từng yêu cầu tra cứu,...

B. Cho thông tin về một số lần cập nhật cuối cùng.

C. Lưu lại nội dung cập nhật, người thực hiện, thời điểm cập nhật.

D. Lưu lại các thông tin cá nhân của người cập nhật.

Câu 25: Chức năng của mẫu hỏi (Query) là:

A. Tổng hợp thông tin từ nhiều bảng

B. Sắp xếp, lọc các bản ghi

C. Thực hiện tính toán đơn giản

D. Tất cả các chức năng trên

Câu 15: Chức năng chính của biểu mẫu (Form) là:

A. Tạo báo cáo thông kê số liệu

B. Hiển thị và cập nhật dữ liệu

C. Thực hiện các thao tác thông qua các nút lệnh

D. Tạo truy vấn lọc dữ liệu

Câu 27: Xoá bản ghi là:

A. Xoá một hoặc một số quan hệ

B. Xoá một hoặc một số cơ sở dữ liệu

C. Xoá một hoặc một số bộ của bảng

D. Xoá một hoặc một số thuộc tính của bảng

Câu 28: Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là:

- A. Tạo ra một hay nhiều biểu mẫu
- B. Tạo ra một hay nhiều báo cáo
- C. Tạo ra một hay nhiều mẫu hỏi
- D. Tạo ra một hay nhiều bảng

Câu 29: Đặc điểm nào sau đây không là đặc trưng của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

- A. Các bộ là phân biệt và thứ tự các bộ không quan trọng
- B. Quan hệ không có thuộc tính đa trị hay phức tạp
- C. Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt và thứ tự các thuộc tính là quan trọng
- D. Tên của các quan hệ có thể trùng nhau

Câu 30: Phát biểu nào sai trong các phát biểu sau khi nói về khoá chính?

- A. Một bảng có thể có nhiều khoá chính
- B. Mỗi bảng có ít nhất một khoá
- C. Xác định khoá phụ thuộc vào quan hệ logic của các dữ liệu chứ không phụ thuộc vào giá trị các dữ liệu
- D. Nên chọn khoá chính là khoá có ít thuộc tính nhất

Câu 31: Giả sử một bảng có 2 trường SOBH (số bảo hiểm) và HOTEN (họ tên) thì nên chọn trường SOBH làm khoá chính hơn vì :

- A. Trường SOBH là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất
- B. Trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số
- C. Trường SOBH đứng trước trường HOTEN
- D. Trường SOBH là trường ngắn hơn

Câu 32: Sau khi tạo cấu trúc cho bảng thì:

- A. Không thể sửa lại cấu trúc
- B. Phải nhập dữ liệu ngay
- C. Có thể lưu lại cấu trúc và nhập dữ liệu sau
- D. Khi tạo cấu trúc cho bảng xong thì phải cập nhật dữ liệu vì cấu trúc của bảng không thể sửa đổi

Câu 33: Trước khi tạo mẫu hỏi để giải quyết các bài toán liên quan tới nhiều bảng, thì ta phải thực hiện thao tác nào?

- A. Nhập các điều kiện vào lưới QBE
- B. Thực hiện gộp nhóm
- C. Liên kết giữa các bảng
- D. Chọn các trường muốn hiển thị ở hàng Show

Câu 34: Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là :

- A. Tạo ra một hay nhiều biểu mẫu
- B. Tạo ra một hay nhiều báo cáo
- C. Tạo ra một hay nhiều mẫu hỏi
- D. Tạo ra một hay nhiều bảng

Câu 35: Cho các thao tác sau :

- B1: Tạo bảng
- B2: Đặt tên và lưu cấu trúc
- B3: Chọn khóa chính cho bảng
- B4: Tạo liên kết

Khi tạo lập CSDL quan hệ ta thực hiện lần lượt các bước sau:

- A. B1-B3-B4-B2
- B. B2-B1-B2-B4
- C. B1-B3-B2-B4
- D. B1-B2-B3-B4

Câu 36: Thao tác nào sau đây không phải là thao tác cập nhật dữ liệu?

- A. Nhập dữ liệu ban đầu
- B. Sửa những dữ liệu chưa phù hợp
- C. Thêm bản ghi
- D. Sao chép CSDL thành bản sao dự phòng

Câu 37: Chỉnh sửa dữ liệu là:

- A. Xoá một số quan hệ
- B. Xoá giá trị của một vài thuộc tính của một bộ

C. Xoá một số thuộc tính

D. Thay đổi các giá trị của một vài thuộc tính của một bộ

Câu 38: Truy vấn cơ sở dữ liệu là gì?

A. Là một đối tượng có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ

B. Là một dạng bộ lọc

C. Là một dạng bộ lọc; có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ

D. Là yêu cầu máy thực hiện lệnh gì đó

Câu 39: Phát biểu nào dưới đây không phải là bảo mật thông tin trong hệ CSDL?

A. Ngăn chặn các truy cập không được phép

B. Hạn chế tối đa các sai sót của người dùng

C. Không chế số người sử dụng CSDL

D. Đảm bảo thông tin không bị mất hoặc bị thay đổi ngoài ý muốn

Câu 40 : Các giải pháp cho việc bảo mật CSDL gồm có:

A. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, lưu biên bản.

B. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, chính sách và ý thức, lưu biên bản, cài đặt mật khẩu

C. Nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, chính sách và ý thức, lưu biên bản.

D. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng; mã hoá thông tin và nén dữ liệu; chính sách và ý thức; lưu biên bản.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – MÔN TIN HỌC 12
NĂM HỌC 2023 – 2024

TRẮC NGHIỆM: 10 điểm (Mỗi câu 0.25 điểm)

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
B	C	B	D	D	D	B	D	C	A	C	C	A	C	C	C	D	C	D	D
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
D	A	B	D	D	B	C	D	D	A	A	C	C	D	C	D	D	C	C	D